

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2025/DS-ST

Ngày: 19/5/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu In

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Liễu

Ông Trương Hoài Khanh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố
Rạch Giá, Kiên Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham
gia phiên tòa:* Ông **Trần Công Đình** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá,
Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số:
236/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2024, về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm
2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2025/QĐST-DS, ngày 28/4/2025 giữa các
đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Ngân hàng thương mại cổ phần K**

Trụ sở chính: số 40-42-44 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo pháp luật: ông Trần Ngọc M, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: ông Lê Trung V, chức vụ: P Tổng Giám đốc.

Theo Quyết định ủy quyền số 3366/QĐ-NHKL ngày 21/8/2023.

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Lê Trung V để ký đơn khởi kiện:
ông Đinh Việt Q, chức vụ: Giám đốc Phòng xử lý nợ. Theo Quyết định ủy quyền số
3368A/QĐ-NHKL ngày 21/8/2023.

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Lê Trung V để tham gia tố tụng:
Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ khu vực - Phòng xử lý nợ - Ngân
hàng TMCP K (*có đơn xin vắng mặt*).

Đại diện theo giấy ủy quyền số 2081/QĐ-NHKL, ngày 29/7/2024.

* *Bị đơn:* Bà **Đỗ Thị N**, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Địa chỉ: số 82/17/23, đường Q, khu phố L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Trần Văn P**, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Địa chỉ: số 82/17/23, đường Q, khu phố L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Nguyên bà Đỗ Thị N có vay của Ngân hàng TMCP K - CN R (gọi tắt là Ngân hàng K) số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số TV3044/HĐTD ngày 06/10/2007 cụ thể như sau: số tiền vay: 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng). Mục đích vay: Bổ sung vốn nâng cấp nhà cho thuê và rửa xe thay nhớt xe máy. Ngày giải ngân: 10/10/2007. Thời hạn vay: 24 tháng, ngày đến hạn: 10/10/2009. Lãi suất vay là 1.350%/tháng. Nếu thời hạn vay lớn hơn 12 tháng, thì kể từ ngày 04/10/2008 trở đi, lãi suất cho vay thay đổi hàng năm vào ngày 05/10 và được tính bằng lãi suất tiền gửi VNĐ kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh Rạch Giá tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng 0,45%. Lãi suất nợ quá hạn là: 150% (gấp 1,5 lần) lãi suất cho vay ngay thời điểm nợ quá hạn.

- Hình thức thanh toán: Kỳ hạn trả vốn vay: Trả đầy đủ vốn vay chậm nhất đến ngày đáo hạn. Lãi tiền vay: Trả đầy đủ lãi tiền vay hàng tháng vào ngày 04.

Hợp đồng tín dụng trên được bảo đảm bởi Hợp đồng thế chấp số TV3044/HĐTC ngày 06/10/2007 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP K - CN Rạch Giá với bà Đỗ Thị N và đã được Phòng Công chứng số 1 tỉnh Kiên Giang; địa chỉ số 2 N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, chứng thực ngày 09/10/2007, tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay gồm:

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 867980, số vào sổ: 2051/2002 OSDDVQ, do UBND thị xã R (nay là thành phố R) tỉnh Kiên Giang, cấp ngày 10/9/2002; thửa đất số: 197; tờ bản đồ số: 34; diện tích 360.30m², mục đích sử dụng đất: đất vườn, thời hạn sử dụng: 08/2052; tọa lạc tại: đường (hẻm L) Quang Trung, khu phố Q, phường V, thị xã R (nay là thành phố R), tỉnh Kiên Giang; đứng tên bà Đỗ Thị N.

Tài sản thế chấp nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại phòng Tài Nguyên và Môi trường thành phố Rạch Giá ngày 10/10/2007.

Trong quá trình vay vốn, bà Đỗ Thị N liên tục vi phạm Hợp đồng, không thanh toán nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Tạm tính đến ngày 30/9/2023, bà Đỗ Thị N còn nợ Ngân hàng K số tiền cụ thể là: vốn gốc 45.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn 16.992.750 đồng; tiền phạt chậm trả lãi 92.282.168 đồng; tiền lãi quá hạn 200.970.000 đồng. Tổng cộng 355.244.918 đồng.

Nay Ngân hàng có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá yêu cầu xem xét, giải quyết các nội dung sau: Yêu cầu Tòa án buộc bà Đỗ Thị N trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 19/5/2025 là 286.469.625 đồng (hai trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng); trong đó nợ gốc 45.000.000 đồng, lãi trong hạn 16.992.750 đồng, lãi quá hạn 224.476.875 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 20/5/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán dứt nợ. Trường hợp bà Đỗ Thị N không trả hoặc trả không dứt nợ trong thời gian thỏa thuận hoặc khi bản án có hiệu lực thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ Quan thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn bà Đỗ Thị N; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn P: Không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo thụ lý vụ án hợp lệ của Tòa án và cũng không có mặt theo thông báo hòa giải, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án. Tại phiên tòa, bà N, ông P vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 70; Điều 91; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ Điều 91; Điều 95; Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K buộc bà Đỗ Thị N phải trả số tiền tạm tính đến ngày 19/5/2025 là: 286.469.625 đồng (Hai trăm tám mươi sáu triệu, bốn trăm sáu mươi chín nghìn, sáu trăm hai mươi lăm đồng). Trong đó: vốn gốc: 45.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn: (từ ngày 09/10/2007 đến ngày 09/10/2009) là 16.992.750 đồng; tiền lãi quá hạn: (từ ngày 09/10/2009 đến ngày 19/5/2025) là 224.476.875 đồng.

Đình chỉ một phần đối với phạt chậm trả lãi mà Ngân hàng TMCP K đã xin rút với số tiền tạm tính đến ngày 19/5/2025 là: 102.426.840 đồng (Một trăm lẻ hai triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm bốn mươi đồng).

Theo điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, kể từ ngày 20/5/2025 bà Đỗ Thị N còn phải tiếp tục chịu lãi trên số tiền phải thanh toán trả Ngân hàng theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần K được chấp nhận nên bà Đỗ Thị N phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Đỗ Thị N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn P đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H; bị đơn bà Đỗ Thị N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn P.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nhưng phía bị đơn là bà Đỗ Thị N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn P vẫn không có ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, được quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Đỗ Thị N phải có trách nhiệm trả số tiền vay gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố

tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

[3] Về nội dung vụ án: Xét thấy, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần K và bà Đỗ Thị N đã phát sinh giao dịch tín dụng thông qua hợp đồng tín dụng số TV3044/HĐTD ngày 06/10/2007, theo đó Ngân hàng cho bà N vay số tiền gốc 45.000.000 đồng; thời hạn vay 24 tháng; hình thức trả nợ: vốn vay trả đầy đủ chậm nhất đến ngày đáo hạn; trả đầy đủ lãi tiền vay hàng tháng vào ngày 04; lãi suất vay là 1.350%/tháng; mục đích vay là Bổ sung vốn nâng cấp nhà cho thuê và rửa xe thay nhớt xe máy.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà N đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, tại đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2023 Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc của hợp đồng tín dụng số TV3044/HĐTD ngày 06/10/2007 là 45.000.000 đồng; lãi trong hạn là 16.992.750 đồng; tiền phạt chậm trả lãi là 92.282.168 đồng; lãi quá hạn là 200.970.000 đồng, tổng cộng là 355.244.918 đồng. Tại đơn xin vắng mặt ngày 19/5/2025, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng yêu cầu bà Đỗ Thị N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc của hợp đồng tín dụng số TV3044/HĐTD ngày 06/10/2007 là 45.000.000 đồng; lãi trong hạn là 16.992.750 đồng; lãi quá hạn là 224.476.875 đồng, tổng cộng là 286.469.625 đồng.

Căn cứ vào Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định về việc thỏa thuận lãi suất trong hoạt động kinh doanh tín dụng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ngân hàng thương mại cổ phần K là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Xét, hợp đồng tín dụng số TV3044/HĐTD ngày 06/10/2007 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần K với bà Đỗ Thị N được lập thành văn bản và ký kết với nhau là tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật khi giao kết nên hợp đồng là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng. Hợp đồng tín dụng nêu trên được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp số TV3044/HĐTC ngày 06/10/2007.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng đối với tài sản đảm bảo hợp đồng vay, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng thế chấp số TV3044/HĐTC ngày 06/10/2007 thực hiện đúng quy định và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố Rạch Giá ngày 10/10/2007. Căn cứ quy định tại Điều 317; Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015 thì yêu cầu này của Ngân hàng là có cơ

sở để chấp nhận. Sau khi án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Đỗ Thị N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số TV3044/HĐTC ngày 06/10/2007 để thu hồi nợ.

Đại diện nguyên đơn xác định rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tiền phạt chậm trả lãi tính đến ngày 19/5/2025 là 102.426.840 đồng, xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với tiền phạt chậm trả lãi là 102.426.840 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Đỗ Thị N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền vay gốc, lãi tính đến ngày 19/5/2025 là 286.469.625 đồng (trong đó nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số TV3044/HĐTD ngày 06/10/2007 là 45.000.000 đồng; lãi trong hạn là 16.992.750 đồng; lãi quá hạn là 224.476.875 đồng) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số TV3044/HĐTD ngày 06/10/2007 kể từ ngày 20/5/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với tiền phạt chậm trả lãi tính đến ngày 19/5/2025 là: 102.426.840 đồng

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội. Bị đơn bà Đỗ Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch đối với số tiền 286.469.625 đồng là: $286.469.625 \text{ đồng} \times 5\% = 14.323.481 \text{ đồng}$.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.880.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 317, Điều 323, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn bà Đỗ Thị N.

Buộc bà Đỗ Thị N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần K tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 19/5/2025 là 286.469.625 đồng (*hai trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng*); trong đó nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số TV3044/HĐTD ngày 06/10/2007 là 45.000.000 đồng; lãi trong hạn là 16.992.750 đồng; lãi quá hạn là 224.476.875 đồng.

Bà Đỗ Thị N còn phải có nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số TV3044/HĐTD ngày 06/10/2007 kể từ ngày 20/5/2025 cho đến khi tất toán xong nợ vay cho Ngân hàng.

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật nếu bà Đỗ Thị N không thanh toán được nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 197 (tách từ thửa 67); tờ bản đồ số 34; tại địa chỉ (Hẻm L) Q, khu phố Q, thị xã R (nay là thành phố R), tỉnh Kiên Giang; diện tích 360,30m²; mục đích sử dụng: vườn; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 867980, do Ủy ban nhân dân thị xã R (nay là thành phố R) cấp ngày 10/9/2002 do bà Đỗ Thị N đứng tên.

Tài sản thế chấp nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố Rạch Giá ngày 10/10/2007.

Trường hợp bị đơn đã tất toán xong số tiền nợ cho nguyên đơn trước khi phát mãi tài sản thi hành án thì nguyên đơn phải có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn 01 (một) bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 867980, do Ủy ban nhân dân thị xã R (nay là thành phố R) cấp ngày 10/9/2002 do bà Đỗ Thị N đứng tên.

Về án phí: Bà Đỗ Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 14.323.481 đồng (*Mười bốn triệu ba trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm tám mươi một đồng*).

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.880.000 đồng, theo biên lai thu số 0004621 ngày 13/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan THA Dân sự Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TRẦN THU IN